

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH NĂM 2018

Vũ Chung Thủy*; Đặng Văn Dũng*

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là cơ sở đào tạo nhân lực hàng đầu về TDTT của nước ta. Trải qua 58 năm hình thành và phát triển, Nhà trường luôn được xã hội, các đối tác trong nước và quốc tế ghi nhận thông qua những thành tựu đạt được. Trên cơ sở đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2972/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015 Phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đến năm 2020 trở thành Trường trọng điểm Quốc gia. Đây là niềm tự hào nhưng cũng đặt ra cho Nhà trường nhiều nhiệm vụ quan trọng cần phải hoàn thành để đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 24/2015/TT – BGD&ĐT ngày 23 tháng 9 năm 2015, quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH). Theo đó, bên cạnh những yêu cầu, những tiêu chuẩn cần phải đạt được trong lĩnh vực đào tạo, các yêu cầu, tiêu chuẩn đặt ra về KH&CN đã và đang đòi hỏi Trường phải nỗ lực, phát huy nội lực, mở rộng liên kết để không ngừng mở rộng, phát triển các hoạt động KH&CN. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với Nhà Trường trước mắt là phải xác định được thực trạng hoạt động KH&CN theo chuẩn quốc gia đối với CSGDĐH, trên cơ sở đó định hướng hoạt động cụ thể cho từng năm, đảm bảo đến năm 2020, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh sẽ đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu đối với một Trường trọng điểm Quốc gia về hoạt động KH&CN.

1. Thực trạng hoạt động KH&CN của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2017 theo quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Thông tư số 24/2015/ TT – BGD&ĐT ngày 23 tháng 9 năm 2015, quy định chuẩn quốc gia đối với CSGDĐH, thực trạng

hoạt động KH&CN của Nhà trường được cụ thể hóa qua các tiêu chuẩn, tiêu chí sau:

1.1. Có đủ phương tiện, trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu đào tạo, và NCKH, đào tạo chuyên ngành đặc thù (tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3)

Hiện tại, Trường có 5 phòng thí nghiệm (Phòng sinh hóa, Phòng sinh cơ, Phòng sinh cơ, Phòng hồi phục chức năng, Phòng thí nghiệm lưu động, Phòng chẩn đoán hình ảnh). Xét về tổng thể, hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH của Nhà trường đa dạng, hiện đại, đảm bảo đầy đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng. Tuy nhiên, vật tư cho một số thiết bị thí nghiệm chưa được cung cấp kịp thời, một số thiết bị nghiên cứu mắc lỗi vận hành khó khắc phục do thiếu đội ngũ chuyên gia lành nghề trong nước cũng gây những khó khăn nhất định cho hoạt động NCKH.

1.2. Cơ cấu hoạt động đào tạo và KHCN đáp ứng quy định phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1)

Hiện nay, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đang nỗ lực phấn đấu theo chuẩn CSGDĐH định hướng ứng dụng (Nghị định 73/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng CSGDĐH), cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ chi cho hoạt động KHCN chiếm ít nhất 20% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của Trường. Theo thống kê tỷ lệ này ở năm 2017 là 14% - thấp hơn so với mức quy định 6%.

- Phân đấu tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên (NCV) cơ hữu tham gia NCKH, phát triển công nghệ có kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí KHCN chuyên ngành trong và ngoài

*PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh



Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng được chú ý trong sứ mệnh phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

nước hoặc chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tế trên tổng số giảng viên, NCV cơ hữu chiếm tỷ lệ 70%. Năm 2017 con số này là 45% - thấp hơn so với mức quy định 25%.

- Quy định khung xếp hạng, tỷ lệ giảng viên, NCV cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 15% tổng số giảng viên, NCV cơ hữu. Tính đến tháng 12 năm 2017, Nhà trường có 163 giảng viên, trong đó có 1 giáo sư, 9 phó giáo sư, 42 tiến sĩ, 101 thạc sĩ và 10 cử nhân. Như vậy, so với chỉ tiêu quy định của khung xếp hạng thì năm 2017 chỉ tiêu này đã đạt 31,9% (vượt 16,9%).

1.3. Mỗi ngành đào tạo có ít nhất 1 nhóm giảng dạy, nghiên cứu đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2)

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 4 mã ngành hệ đại học (Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT và Y học TDTT) và 2 mã ngành hệ sau đại học (Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao). Các đề tài KH&CN cấp cơ sở đều được phân loại mã số theo các ngành học. Năm 2017 Nhà trường đã nghiệm thu 45 đề tài KH&CN cấp cơ sở của cán bộ, giảng viên, trong đó có 25 đề tài thuộc Ngành Quản lý TDTT, 14 đề tài thuộc Ngành GDTC, 3 đề tài thuộc Ngành Y học TDTT và 3 đề tài thuộc Ngành Huấn luyện thể thao. Tuy nhiên, Nhà trường chưa ban hành văn bản pháp qui quy định việc phân nhóm và tổ chức hoạt động của các nhóm giảng dạy, nghiên cứu theo ngành học.

1.4. Có ít nhất 90% giảng viên cơ hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ NCKH đối với các chức danh giảng viên (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3)

Năm 2017, Trường đã thực hiện 1 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, 1 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, 2 nhiệm vụ công nghệ cấp bộ và triển khai thực hiện 45 đề tài NKCH cấp cơ sở của cán bộ, giảng viên. Tuy nhiên, theo thống kê, tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ NCKH năm 2017 chỉ đạt tỷ lệ 87,1%, so với chỉ tiêu 2,9%.

1.5. Có ít nhất 40% học viên cao học và NCS tham gia các hoạt động KH&CN (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4)

Theo quy định, mỗi học viên cao học và NCS khi hoàn thành khoá học đều phải hoàn thành 1 luận văn, luận án và bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu, trong đó nhiều đề tài luận văn, luận án là sản phẩm được hỗ trợ đào tạo của đề tài KH & CN các cấp. Do vậy có thể thấy rằng, 100% học viên cao học và NCS đều tham gia các hoạt động KH&CN.

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường còn tổ chức triển khai đề tài KH&CN cấp cơ sở cho SV và Hội nghị khoa học sinh viên. Năm học 2017 – 2018 có 15 đề tài KHCN sinh viên cấp cơ sở được triển khai. Chất lượng NCKH của sinh viên không ngừng được nâng cao, năm 2017 Câu lạc bộ khoa học sinh viên của Trường đã giành được 1 giải ba giải “Sinh viên nghiên cứu khoa học” toàn quốc (Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức); 1 giải nhất và 1 giải 3 tại Hội nghị

khoa học sinh viên toàn quốc về lĩnh vực TDTT lần thứ 9. Như vậy, hiện tại Nhà trường đã vượt yêu cầu về tiêu chí này.

1.6. Đảm bảo ít nhất 4% kinh phí từ nguồn thu học phí để hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5)

Kết quả khảo sát cho thấy, năm 2017 Nhà trường mới chỉ dành 1,2% nguồn thu học phí để hỗ trợ cho hoạt động NCKH của sinh viên, do vậy chưa đáp ứng được tiêu chí đề ra.

1.7. Có tổ chức nghiên cứu và phát triển hoặc tổ chức dịch vụ KH&CN (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6)

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Trung tâm KHKT TDTT của Nhà trường đã được nâng cấp thành Viện KH&CN TDTT. Hiện nay, viện KH&CN TDTT trực thuộc Ban giám hiệu đã có đầy đủ các chức năng nhiệm vụ, trong đó có chức năng hoạt động dịch vụ NCKH và chuyển giao công nghệ.

Năm 2017 Viện đã thực hiện các hợp đồng về kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện và tuyển chọn VĐV cho Bộ Tư lệnh Thông tin, Trung tâm Thể thao Viettel và Trung tâm TDTT Ninh Bình. Xét về tổng thể, tiêu chí này đã đáp ứng được yêu cầu quy định.

1.8. Có tạp chí khoa học chuyên ngành được xuất bản trực tuyến hoặc in (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7)

Nhà trường đã có 01 Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao có chỉ số ISSN. Đây là Tạp chí được tính điểm trong Danh mục tạp chí của HƣCĐGS Nhà nước. Hàng năm Tạp chí duy trì xuất bản 05 số thường kỳ (80 trang/số) và 01 số đặc biệt cung cấp tài liệu cho hội nghị, hội thảo khoa học (400 trang). Năm 2017, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh phối hợp với Đại học UCAM, Tây Ban Nha và Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc đồng tổ chức thành công Hội nghị Khoa học quốc tế với chủ đề “Thể dục thể thao trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế”. Hội nghị có sự tham gia của 19 đoàn đại biểu quốc tế với 41 nhà khoa học thuộc 7 quốc gia và vùng lãnh thổ. Có 128 công trình nghiên cứu được công bố trong Kỷ yếu hội nghị. Do

vậy đã đảm bảo được yêu cầu đặt ra của tiêu chí.

1.9. Công khai khung giám sát, đánh giá chi phí, hiệu quả, tác động, tính bền vững của các đề tài, chương trình, dự án nghiên cứu và triển khai của CSGDDH (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8)

Hiện nay, Nhà trường chưa xây dựng và công khai khung giám sát, đánh giá chi phí, hiệu quả, tác động tính bền vững của các đề tài, chương trình, dự án nghiên cứu và triển khai của CSGDDH, do vậy chưa đáp ứng được tiêu chí này và cần phải đặt ra mục tiêu phấn đấu trong thời gian tới.

1.10. Có ít nhất 5 chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học của các nước phát triển và 3 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9)

Kết quả đánh giá năm 2017 cho thấy, Nhà trường đã có chương trình hợp tác đào tạo và NCKH với 7 trường đại học ở các nước phát triển như: Nga, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Thái Lan và 3 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên với Trường Đại học UCAM - Tây Ban Nha, Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây – Trung Quốc, Trường Đại học Buarapha – Thái Lan. Do đó, đã hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí này.

2. Định hướng hoạt động KH&CN của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2018 theo quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học

Trên cơ sở thực trạng nêu trên, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã định hướng hoạt động KH&CN năm 2018 theo quy định chuẩn quốc gia đối với CSGDDH như sau:

- Đảm bảo bổ sung vật tư kịp thời cho các phòng thí nghiệm. Đồng thời, sửa chữa, duy tu một số thiết bị thí nghiệm bị lỗi kỹ thuật trong vận hành để đảm bảo tiến độ triển khai các nhiệm vụ KH&CN (tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3).

- Tăng tỷ lệ chi cho hoạt động KHCN chiếm ít nhất 16% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của Trường (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1).

- Phấn đấu tỷ lệ giảng viên, NCV cơ hữu tham gia NCKH, PTCN có kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí KHCN chuyên ngành trong và ngoài nước hoặc chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tế trên tổng số

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

giảng viên, NCV cơ hữu chiếm tỷ lệ 60% (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1).

- Tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên, NCV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH, đồng thời hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế. Tăng cường cử cán bộ, giáo viên tham dự và báo cáo tại các HNKH quốc tế ở trong nước và nước ngoài. Phần đầu đăng từ 8 – 10 bài báo khoa học trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học quốc tế (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1).

- Tăng tỷ lệ giảng viên, NCV cơ hữu có trình độ tiến sĩ đạt 33% tổng số giảng viên, NCV cơ hữu (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1).

- Ban hành các văn bản pháp qui và cụ thể hoá kế hoạch hoạt động cho các nhóm giảng dạy, nghiên cứu ở từng ngành học với mục đích đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và CGCN (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2).

- Đảm bảo 90% giảng viên cơ hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ NCKH đối với các chức danh giảng viên trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ KH&CN các cấp (1 đề tài KH&CN cấp Quốc gia, 8 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, 2 nhiệm vụ công nghệ cấp bộ và 47 nhiệm vụ cơ sở của cán bộ, giảng viên).

Ký hợp đồng triển khai thêm 1 đề tài KH&CN cấp Quốc gia, đề xuất 1 nhiệm vụ KH&CN dưới hình thức theo nghị định thư với Lào, đồng thời đề xuất 1 đến 3 nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp Bộ (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3).

- Tăng cường kiểm soát chất lượng các luận văn, luận án. Duy trì và mở rộng các hoạt động của Câu lạc bộ khoa học sinh viên, tổ chức giám sát chặt chẽ chất lượng nghiên cứu của các đề tài KH&CN cấp cơ sở và luận văn tốt nghiệp của sinh viên khóa Đại học 50. Đồng thời tổ chức thông qua đề cương luận văn cho sinh viên khóa Đại học 51. Lựa chọn và cử các nhóm sinh viên NCKH tham dự Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc về lĩnh vực TDTT lần thứ X. Phần đầu đạt giải nhất (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4).

- Tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên đạt 2% từ nguồn thu học phí (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5).

- Tiếp tục mở rộng hoạt động liên kết NCKH với các địa phương trong toàn quốc. Tiếp tục duy trì liên kết với các đơn vị truyền thống thực hiện

các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố. Tăng cường mở rộng tìm kiếm và liên hệ với các đơn vị khác trong cả nước, tổ chức tư vấn, hỗ trợ và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6).

- Nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, đảm bảo phong phú về nội dung, cũng như tăng cường số lượng và chất lượng các bài báo công bố trên Tạp chí. Đẩy mạnh công tác quảng bá, thu hút các nhà khoa học nước ngoài gửi đăng bài trên Tạp chí của Nhà trường (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7).

- Xây dựng và công khai khung giám sát, đánh giá chi phí, hiệu quả, tác động, tính bền vững của các đề tài, chương trình, dự án nghiên cứu và triển khai của CSGDĐH (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8).

- Duy trì và thực hiện tốt các chương trình hợp tác đã ký kết, mở rộng ký kết thêm 1 chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với đối tác nước ngoài. Xúc tiến hoạt động trao đổi cán bộ, giảng viên tham gia vào các nhiệm vụ KH&CN của Nhà trường và các trường đối tác ở nước ngoài. Liên hệ với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài, xúc tiến việc cử cán bộ tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của đối tác ở nước ngoài, đồng thời mời các chuyên gia, giảng viên nước ngoài tham gia thực hiện các đề tài KH&CN của Trường. Xúc tiến hoạt động liên kết thực hiện nhiệm vụ KH&CN với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài theo hình thức song phương, hoàn tất thủ tục đề xuất nhiệm vụ KH&CN dưới hình thức nghị định thư với Lào (tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9).

Với định hướng trên, hy vọng rằng mọi cá nhân và tập thể trong toàn Trường quyết tâm nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ KH&CN đặt ra trong năm 2018, đảm bảo lộ trình xây dựng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trở thành Trường trọng điểm Quốc gia vào năm 2020.